

Số: 18 /2021/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT, ngày 20 tháng 7 năm 2017 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 12132/TTr-UBND, ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 186/BC-HĐND, ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và tiếp thu, giải trình tại Báo cáo số 264/BC-UBND, ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

### 1. Đối tượng nộp phí, lệ phí

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; cấp đổi, cấp lại, cấp mới do biến động, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận.

### 2. Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí

a) Đối tượng miễn nộp phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công; hộ nghèo; các trường hợp được giao đất tái định cư và các trường hợp mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

b) Đối tượng miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công; hộ nghèo; các trường hợp được giao đất tái định cư và các trường hợp mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

- Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng trước ngày 10/12/2009 mà cấp đổi Giấy chứng nhận do đo đạc lại bản đồ địa chính.

- Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã được cấp Giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

### 3. Cơ quan thu phí, lệ phí

a) Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa

b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại các huyện, thị xã, thành phố.

### 4. Mức thu

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

## 5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Đối với phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Cơ quan thu phí được để lại 66% số thu để đảm bảo cho công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b) Đối với lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất: Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số thu vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND, ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

### Nơi nhận:

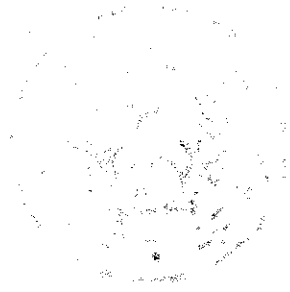
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các CQ tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, P.Ctac HĐND, ĐN, HN.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Mạnh Dũng

1941  
1942  
1943  
1944  
1945  
1946  
1947  
1948  
1949  
1950  
1951  
1952  
1953  
1954  
1955  
1956  
1957  
1958  
1959  
1960  
1961  
1962  
1963  
1964  
1965  
1966  
1967  
1968  
1969  
1970  
1971  
1972  
1973  
1974  
1975  
1976  
1977  
1978  
1979  
1980  
1981  
1982  
1983  
1984  
1985  
1986  
1987  
1988  
1989  
1990  
1991  
1992  
1993  
1994  
1995  
1996  
1997  
1998  
1999  
2000  
2001  
2002  
2003  
2004  
2005  
2006  
2007  
2008  
2009  
2010  
2011  
2012  
2013  
2014  
2015  
2016  
2017  
2018  
2019  
2020  
2021  
2022  
2023  
2024  
2025





## PHỤ LỤC

Mức thu phí, thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;  
phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà,  
tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa  
(Kèm theo Nghị quyết số 18 /2021/NQ-HĐND, ngày 10 /12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	Mức thu Phí (đồng/hồ sơ)		Mức thu Lệ phí (đồng/hồ sơ)	
		Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến
I	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất (đối với hộ gia đình, cá nhân)				
	Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	1.200.000	960.000	10.000	8.000
	Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất)	1.200.000	960.000	10.000	8.000
	Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1.500.000	1.200.000	25.000	20.000

STT	NỘI DUNG	Mức thu Phí (đồng/hồ sơ)		Mức thu Lệ phí (đồng/hồ sơ)	
		Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến
II	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất (đối với tổ chức)				
	Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	1.500.000	1.200.000	100.000	80.000
	Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất)	1.500.000	1.200.000	100.000	80.000
	Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	2.000.000	1.600.000	100.000	80.000
III	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận				
3.1	<i>Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất) và trường hợp chỉ chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất</i>				

STT	NỘI DUNG	Mức thu Phí (đồng/hồ sơ)		Mức thu Lệ phí (đồng/hồ sơ)	
		Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến
a)	Đối với hộ gia đình, cá nhân	500.000	400.000	20.000	16.000
b)	Đối với tổ chức	700.000	560.000	50.000	40.000
3.2	<i>Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</i>				
a)	Đối với hộ gia đình, cá nhân	600.000	480.000	40.000	32.000
b)	Đối với tổ chức	1.000.000	800.000	50.000	40.000
IV	<b>Đăng ký, chỉnh lý biến động (cấp mới hoặc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận)</b>				
4.1	<i>Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)</i>				
a)	Đối với hộ gia đình, cá nhân				
-	Cấp mới Giấy chứng nhận	500.000	400.000	20.000	16.000
-	Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận	450.000	360.000	20.000	16.000
b)	Đối với tổ chức				
	Cấp mới Giấy chứng nhận	1.000.000	800.000	50.000	40.000
	Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận	950.000	760.000	50.000	40.000
4.2	<i>Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</i>				
a)	Đối với hộ gia đình, cá nhân				
	Cấp mới Giấy chứng nhận	500.000	400.000	20.000	16.000

STT	NỘI DUNG	Mức thu Phí (đồng/hồ sơ)		Mức thu Lệ phí (đồng/hồ sơ)	
		Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến
	Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận	450.000	360.000	20.000	16.000
b)	Đối với tổ chức				
	Cấp mới Giấy chứng nhận	1.000.000	800.000	50.000	40.000
	Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận	950.000	760.000	50.000	40.000
4.3	<i>Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</i>				
a)	Đối với hộ gia đình, cá nhân				
	Cấp mới Giấy chứng nhận	600.000	480.000	40.000	32.000
	Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận	550.000	440.000	40.000	32.000
b)	Đối với tổ chức				
	Cấp mới Giấy chứng nhận	1.500.000	1.200.000	100.000	80.000
	Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận	1.450.000	1.160.000	100.000	80.000